TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28.11.2019
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Đàm Như Nga
2. Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 09 năm 2019 về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N** - Sinh năm: 1976 - Nơi ĐKTT: Tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Số F đường G, tổ R, phường Q, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân P** - Sinh năm: 1976 - Địa chỉ cư trú: Số V đường S, Tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày:***

Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Nguyễn Xuân P tạo lập được khối tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất 39,9m^2 thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, được Ủy ban nhân dân quận K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 954595 ngày 22/02/2012.

Bà N và ông P đã ly hôn theo quyết định tại Bản án số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê. Tuy nhiên khi ly hôn các bên không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được với ông Nguyễn Xuân P về việc phân chia tài sản chung nên ngày 26/8/2019 bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của ông bà. Theo đơn khởi kiện, bà N ước tính giá trị nhà đất là 600.000.000đ và yêu cầu được chia 2/3 tài sản, thối trả cho ông P 1/3 giá trị tài sản chung.

Ngày 08/10/2019, bà N có đơn yêu cầu Thẩm định giá tài sản là nhà đất theo giá thì trường. Kết quả theo Chứng thư thẩm định giá ngày 18/10/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value xác định nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng trị giá 1.766.144.260đ, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 1.646.792.860đ, giá trị công trình xây dựng là 119.351.400đ.

Tại phiên họp ngày 25/10/2019, bà N đồng ý với kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value và yêu cầu được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất nói trên và có nghĩa vụ thối trả cho ông Nguyễn Xuân P ½ giá trị tài sản tương đương 883.072.130 đồng.

** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Xuân P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Xuân P không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 29, 33 và 59 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn đối với bị đơn là ông Nguyễn Xuân P có địa chỉ cư trú tại số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng bị đơn.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Đối với ngôi nhà xây dựng trên đất tọa lạc tại địa chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản trình bày và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn, kết quả xem xét hiện trạng, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (Giấy chồng tiền mua bán nhà ở và đất ở lập ngày 16/01/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 954595 ngày 22/02/2012), Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên lô đất có diện tích 39,9 m^2 thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại địa chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, đã được Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 954595 ngày 22/02/2012 là tài sản chung do bà Trần Thị N và ông Nguyễn Xuân P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Khi ly hôn bà N và ông P chưa chia tài sản chung này. Do vậy yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà đất trên đây của bà N là hoàn toàn phù hợp, cần được xem xét.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 18/10/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value xác định nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng trị giá 1.766.144.260đ, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 1.646.792.860đ, giá trị công trình xây dựng là 119.351.400đ. Bà N thống nhất với kết quả định giá và yêu cầu sử dụng kết quả này để giải quyết vụ án. Đối với ông P, dù đã được Tòa án thông báo về kết quả thẩm định giá, kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo chứng thư trên đây để xác định nhà đất này trị giá 1.766.144.260đ.

[2] Tại phiên tòa, bà N yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà và ông P là nhà đất tại số đường S, thành phố Đà Nẵng, theo đó mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không có yêu cầu, cũng không cung cấp căn cứ chứng minh về công sức đóng góp của mình vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản chung do vậy theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và

gia đình thì tài sản chung của ông P và bà N sẽ được chia đôi, mỗi người đều được hưởng phần bằng nhau trong khối tài sản chung. Tuy nhiên, do tài sản tranh chấp là nhà đất có diện tích nhỏ, không thể chia được bằng hiện vật nên cần giao cho một bên nhận và có nghĩa vụ thanh toán cho bên còn lại phần giá trị chênh lệch.

[3] Đối với yêu cầu được giao toàn quyền sở hữu và sử dụng đối với nhà đất tại số đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng của bà Trần Thị N:

Từ khi Tòa án thụ lý cho đến thời điểm xét xử, ông Nguyễn Xuân P không có bất kỳ ý kiến hay nguyện vọng gì đối với tài sản chung, còn bà N yêu cầu được giao toàn quyền sở hữu và sử dụng đối với nhà đất tại số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy: Khi ly hôn, bà N và ông P có 03 con chung, bà N được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trần H - Sinh ngày 17/5/2007, còn con chung Nguyễn Thị Như T và Nguyễn Trần Yến D đã thành niên. Theo bà N và các con chung trình bày thì hiện nay cả bà và 03 con đang thuê nhà sinh sống cùng nhau, chỗ ở không ổn định, ảnh hưởng đến việc học của các con. Do vậy nguyện vọng được sở hữu nhà của bà P là chính đáng, mặt khác cũng phù hợp với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng được quy định tại khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình *"bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên..."* nên cần được chấp nhận. Bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ thối trả cho ông Nguyễn Xuân P ½ giá trị tài sản chung tương đương 883.072.130 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Án phí cụ thể bà Trần Thị N, ông Nguyễn Xuân P mỗi người phải chịu là: 36.000.000đ + (883.072.130đ – 800.000.00đ) x 3% = 38.492.163đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 235, 264, 266, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29, 33 và 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Xuân P.

1. Xác định ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 39,9 m^2 tọa lạc tại địa chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung do bà Trần Thị N và ông Nguyễn Xuân P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Trị giá tài sản được xác định 1.766.144.260đ (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 1.646.792.860đ, giá trị công trình xây dựng là 119.351.400đ). Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Xuân P, mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung tương đương số tiền 883.072.130 đồng.

2. Giao ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên lô đất có diện tích 39,9 m^2 thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại đại chỉ số V đường S, tổ X, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, đã được Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 954595 ngày 22/02/2012 cho bà Trần Thị N được toàn quyền sở hữu, sử dụng. Bà N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu và sử dụng đối với nhà đất được giao theo quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản: Buộc bà Trần Thị N thanh toán cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 883.072.130đ (Tám trăm tám mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai ngàn một trăm bao mươi đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Xuân P phải chịu 38.492.163đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm sáu mươi ba đồng) án phí sơ thẩm chia tài sản chung.

Buộc bà Trần Thị N phải chịu 38.492.163đ án phí sơ thẩm chia tài sản chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ bà N đã nộp theo biên lai thu số 005117 ngày 11/09/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Bà N còn phải nộp tiếp số tiền 28.492.163đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI